

Số: 2600 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 14 tháng 12 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của  
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH đầu tư Win Farm Tây Ninh tại Văn  
bản số 25/CV-WF ngày 21 tháng 07 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp  
giấy phép môi trường và Văn bản số 15/CV-WF ngày 06 tháng 11 năm 2023 về  
việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường Dự án đầu tư xây dựng  
trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản mô hình công nghiệp, khép kín tại  
ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
8147../TTr-STNMT ngày 27/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH đầu tư Win Farm Tây Ninh (Chủ dự  
án) tại địa chỉ số 22 đường D39, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức,  
thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của  
Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản mô hình công  
nghiệp, khép kín tại ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các  
nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1 Tên Dự án: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản mô  
hình công nghiệp, khép kín.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây  
Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên  
trở lên mã số doanh nghiệp 0316662352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố  
Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2

ngày 28/03/2022 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 0788575608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh chứng nhận lần đầu ngày 06/05/2022, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 0316662352.

1.5. Loại hình Dự án: chăn nuôi heo nái sinh sản theo mô hình công nghiệp khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 80.000 m<sup>2</sup>;

1.6.3. Công suất: chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư Win Farm Tây Ninh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đầu tư Win Farm Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Ngô; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm, kể từ ngày ký.

Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Tân Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

*Nơi nhận:* *llay*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Ngô;
- Công ty TNHH đầu tư Win Farm Tây Ninh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH,**



**Trần Văn Chiến**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2600/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Toàn bộ nước thải sau xử lý được thu gom để sử dụng lại cho các hoạt động của Dự án, không xả thải ra môi trường).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

##### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng phát sinh là 3,2m<sup>3</sup>/ngày.đêm từ nhà vệ sinh tại các khu vực: nhà bảo vệ, nhà công nhân, nhà giám đốc, nhà điều hành được xử lý bằng bể tự hoại; số lượng 4 bể tự hoại, kích thước 4,0m × 2,5m × 1,5m và khu vực căn tin được xử lý bằng hồ tách dầu mỡ, kích thước 1,2m×1,0m×0,5m; nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và sau hồ tách dầu mỡ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng tuyến ống uPVC Φ 114, dài 350 m để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi bao gồm: nước thải từ hoạt động vệ sinh chuồng trại, tắm rửa heo, nước tiểu heo, nước ngâm rửa đàn, nước sát trùng với tổng lưu lượng lớn nhất là 82,02 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom về 01 hầm Biogas, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bằng cống bê tông đường kính 400 – 500mm để tiếp tục xử lý. Tổng chiều dài tuyến cống bê tông đường kính 400mm là 191,5m, tổng chiều dài tuyến cống bê tông đường kính 500mm là 327m.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn và sau hồ tách dầu mỡ, nước thải chăn nuôi sau hầm Biogas được dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 62-MT:2016/BTNMT (K<sub>q</sub>=0,6; K<sub>f</sub>=1,1) và QCVN 01 – 195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Toàn bộ nước thải được tái sử dụng 100% cho hoạt động của Dự án (vệ sinh chuồng trại, ngâm rửa đàn và tưới cây).

##### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

##### 1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại ba ngăn và sau hồ tách dầu mỡ, nước thải chăn nuôi → Hầm biogas → Hồ lắng → Hồ điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Hồ trung gian → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Đạt cột A, QCVN 62 - MT:2016/BTNMT (Hệ số  $K_q = 0,6$  và  $K_f = 1,1$ ) và QCVN 01-195/2022/BNNPTNT → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Polymer, Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

TT	Tên công trình	Số lượng	Kích thước (Dài×Rộng×Cao) m	Kết cấu
1	Hầm Biogas	1	55×32×6	chống thấm bằng bạt HDPE
2	Hồ lắng	1	35×30×6	
3	Hồ điều hòa	1	35×30×6	
4	Bể Anoxic	1	11,9×3×3,3	BTCT, trát lớp chống thấm
5	Bể MBBR	1	11,9×4,8×3,3	
6	Bể Aerotank	1	8×4×3,3	
7	Bể lắng sinh học	1	4,4×4,2×3,3	
8	Bể trung gian	1	3,5×2×3,3	
9	Hồ trung gian	1	35×20×6	chống thấm bằng bạt HDPE
10	Bể keo tụ	1	1,65×1,65×3,3	BTCT, trát lớp chống thấm
11	Bể tạo bông	1	1,65×1,65×3,3	
12	Bể lắng hóa lý	1	4,2×3,6×3,3	
13	Bể khử trùng	1	1,75×3,5×3,3	
14	Bể chứa bùn	1	3,5×2×3,3	
15	Bồn lọc áp lực	2	Đường kính 1,0m, chiều cao 2,5m;	Inox 304, thân bồn dày 3mm, đáy bồn dày 4mm
16	Hồ chứa nước sau xử lý	1	10×10×6	chống thấm bằng bạt HDPE
17	Hồ sự cố	1	45×25×6	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ – CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải;
- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý;

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý các sự cố cho nhân viên phụ trách;

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) mẫu nước thải đầu vào tại hồ thu gom (hồ CT) của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Một (01) mẫu nước thải đầu ra tại hồ chứa nước sau xử lý.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án có công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nước thải sau xử lý phải giám sát các thông số: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng Coliform, Clorua (Cl<sup>-</sup>), Asen (As), Cadimi (Cd), Crom tổng số (Cr), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb) và được chứa tại hồ chứa nước sau xử lý tái sử dụng 100% cho hoạt động của trang trại (vệ sinh chuồng trại, ngâm rửa đàn và tưới cây).

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 62:2016/BT NMT, cột A, K <sub>q</sub> = 0,6; K <sub>f</sub> = 1,1	QCVN 01-195:2022/B NNPTNT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 – 9	5,5 – 9	3 tháng/lần
2	Cặn lơ lửng (TSS)	mg/l	33	-	
3	COD	mg/l	66	-	
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	26,4	-	
5	Tổng Nito	mg/l	33	-	
6	E. coli	MPN/100m l	-	≤200	
7	Tổng Coliform	MPN/100m l	3.000	-	

8	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	-	≤600
9	Asen (As)	mg/l	-	≤0,1
10	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤0,01
11	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤0,5
12	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤0,002
13	Chì (Pb)	mg/l	-	≤0,05

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần 2.2.2 trước khi tái sử dụng cho các hoạt động của trang trại, không xả thải ra môi trường.

3.2. Lập hồ sơ công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới được phép thực hiện tưới cây.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm với các nội dung quy định tại Khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2600/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng, công suất 500KVA, lưu lượng tối đa 2.377 m<sup>3</sup>/giờ;
- Nguồn số 02: Dây chuồng nuôi nhà heo nái đẻ số 1 - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 1, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 03: Dây chuồng nuôi nhà heo nái đẻ số 2- Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 2, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 04: Dây chuồng nhà heo nái đẻ số 3 - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 3, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 05: Dây chuồng nhà heo nái đẻ số 4- Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 4, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 06: Dây chuồng nhà heo nái đẻ số 5- Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 5, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 07: Dây chuồng nhà heo nái đẻ số 6 - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo nái đẻ số 6, lưu lượng tối đa 165.920 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 08: Dây chuồng nhà heo mang thai số 1- Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo mang thai số 1, lưu lượng tối đa 269.620 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 09: Dây chuồng nhà heo mang thai số 2 - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo mang thai số 2, lưu lượng tối đa 269.620 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 10: Dây chuồng nhà heo mang thai số 3 - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà heo mang thai số 3, lưu lượng tối đa 269.620 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút);
- Nguồn số 11: Dây chuồng nuôi nhà phối giống - Khí thải từ quạt hút bên trong dây chuồng nhà phối giống, lưu lượng tối đa 269.620 m<sup>3</sup>/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).



**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2600/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 1;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 2;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 3;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 4;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 5;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nái đẻ số 6;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo mang thai số 1;
- Nguồn số 08: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo mang thai số 2;
- Nguồn số 09: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo mang thai số 3;
- Nguồn số 10: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà phối giống;
- Nguồn số 11: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo nọc;
- Nguồn số 12: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà hậu bị;
- Nguồn số 13: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút nhà heo cách ly;
- Nguồn số 14: Tiếng ồn của các thiết bị, máy móc tại khu vực hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm;
- Nguồn số 15: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: X: 1276974.94; Y: 590052.75;
- Nguồn số 02: X: 1276954.88; Y: 590040.70;
- Nguồn số 03: X: 1276929.51; Y: 590025.28;

- Nguồn số 04: X: 1276909.00; Y: 590010.94;
- Nguồn số 05: X: 1276873.94; Y: 589973.19;
- Nguồn số 06: X: 1276895.33; Y: 589988.84;
- Nguồn số 07: X: 1277053.91; Y: 589933.84;
- Nguồn số 08: X: 1277031.96; Y: 589916.45;
- Nguồn số 09: X: 1276996.07; Y: 589900.19;
- Nguồn số 10: X: 1276960.28; Y: 589877.17;
- Nguồn số 11: X: 1276813.86; Y: 562517.24;
- Nguồn số 12: X: 1276747.08; Y: 562639.32;
- Nguồn số 13: X: 1276909.70; Y: 562759.63;
- Nguồn số 14: X: 1276730.46; Y: 562460.14;
- Nguồn số 15: X: 1276963.29; Y: 562730.07;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$  múi chiều  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng

định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các thiết bị hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2600/GPMT-UBND*  
*ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	60
2	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	Rắn/lỏng	84
3	Bao bì mềm thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	Rắn	24
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	15
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	180
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn/Lỏng	120
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	14 02 01	Rắn	KXD
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	7
9	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	Rắn	5
<b>Tổng số lượng</b>				<b>495</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải rắn	Trạng thái	Khối lượng (kg/ngày)	Mã chất thải
1	Phân động vật, phân bón hữu cơ thải	6.329	Kg/ngày	14 01 12
2	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (xác heo chết	75	Kg/ngày	13 02 04

- Bố trí khu đất dự phòng nằm cuối lô đất thực hiện Dự án, cách trại nuôi gần nhất không được nhỏ hơn 30 mét. Khi có trường hợp dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác heo chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Chủ Dự án bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác heo chết do dịch bệnh tại Dự án.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

### **4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:**

- Xây dựng, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý.

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống nước thải: Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành, đảm bảo trạm xử lý vận hành đúng công suất; Thường xuyên kiểm tra hệ thống, hướng dẫn, đào tạo nhân viên vận hành đúng chuyên môn; Bố trí bơm dự phòng để sử dụng trong trường hợp gặp sự cố bị hư hỏng máy bơm; xây dựng hồ sự cố có thể tích 6.750 m<sup>3</sup> được phủ bạt HDPE để chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

### Phụ lục 5

## CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2600/GPMT-UBND  
ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng biệt hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A (hệ số Kq=0,6 và Kf=1,2), sau đó tái sử dụng 100% cho hoạt động của trang trại (vệ sinh chuồng trại, ngâm rửa đan và tưới cây), tại ấp 4, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.